

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh nội dung hỗ trợ, địa bàn đầu tư, danh mục dự án thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg, kế hoạch vốn năm 2015 và kế hoạch vốn bổ sung năm 2015 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Văn bản số 7514/BKHĐT-KTĐPLT ngày 15/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 7981/BKHĐT-KTĐPLT, ngày 29/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc điều chỉnh nội dung thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg; Văn bản số 744/UBND-CSĐT ngày 05/8/2016 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh, về việc giao kế hoạch chi tiết nguồn vốn thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2015; Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh, về việc giao kế hoạch chi tiết nguồn vốn bổ sung năm 2015 thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 501/TTr-BDT, ngày 04/10/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh và giao chi tiết nội dung hỗ trợ cho các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư để thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, kế hoạch vốn năm 2015 và kế hoạch vốn bổ sung năm 2015, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh nội dung hỗ trợ, địa bàn thực hiện kế hoạch vốn năm 2015, đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 (Chi tiết tại phụ lục 1).

- Thời gian thực hiện giải ngân vốn: Đến hết ngày 31/12/2016.

2. Điều chỉnh nội dung hỗ trợ, địa bàn thực hiện, danh mục dự án kế hoạch vốn bổ sung năm 2015, đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2016 (Chi tiết tại phụ lục 2).



- Thời gian thực hiện giải ngân vốn: Đến hết ngày **05/01/2017**.

Điều 2. Chủ tịch UBND tỉnh giao:

1. Ban Dân tộc chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị chủ đầu tư triển khai thực hiện:

- Nội dung hỗ trợ đất sản xuất, mua Bò cái sinh sản, Trâu, Heo, Dê... và mua máy móc nông cụ: đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định; ưu tiên giải quyết cho các hộ nghèo khó khăn nhất.

- Nội dung hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng định mức quy định (1,3 triệu đồng/hộ).

Đối với các địa phương lựa chọn hình thức mua, cấp bồn nhựa cho các hộ dân thuộc đối tượng thụ hưởng: căn cứ vào giá cả thực tế trên thị trường, Ban Dân tộc hướng dẫn cụ thể, lựa chọn thống nhất về tiêu chí kỹ thuật, dung tích của loại bồn nhựa, sản phẩm phải có giấy chứng nhận tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm của cơ quan có thẩm quyền cấp, thời gian bảo hành 10 năm...; đảm bảo cung cấp bồn nhựa cho hộ dân nghèo phải đạt chất lượng tốt nhất, sử dụng lâu, bền, mang lại hiệu quả của Chương trình. Khuyến khích các địa phương lựa chọn mua bồn của các thương hiệu lớn, đã có sẵn trên thị trường để thực hiện cấp cho các hộ dân.

- Đối với hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung: đảm bảo đúng định mức là 1.300 triệu đồng/công trình, mang lại hiệu quả thiết thực của công trình sau khi hoàn thành đưa vào vận hành, sử dụng. Nếu vượt quá định mức quy định trên thì ngân sách của địa phương phải bù vào phần vượt đó, tuyệt đối không để nợ đọng khi xây dựng công trình.

2. Sở Tài chính tổ chức thẩm định giá theo quy định của những nội dung có liên quan (đối với giá trị gói thầu từ 500 triệu đồng trở lên); cấp mã dự án để cho các địa phương, các chủ đầu tư thực hiện; hướng dẫn thanh toán, giải ngân và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh: cân đối, đảm bảo nguồn vốn vay, giải ngân kịp thời cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định tại Quyết định số 755/QĐ-TTg, ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và các Văn bản hướng dẫn thực hiện của Trung ương.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định giao phân khai chi tiết kế hoạch vốn đầu tư bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. Quyết định giao phân khai chi tiết kế hoạch của các huyện, thị xã, thành phố được gửi về UBND tỉnh (thông qua Ban Dân tộc) trước ngày **15/10/2016**.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Dân tộc, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. *l. km*

Nơi nhận: *l. km*

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ KH&ĐT; Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + CVP, PCVP (Đ/c Nguyễn);
 - + Phòng TH; KT;
- Lưu VT, KGVX (H¹N-52b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Cảnh

**BIỂU ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG HỖ TRỢ, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN, DANH MỤC DỰ ÁN
THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 755/QĐ-TTg, KẾ HOẠCH VỐN BỔ SUNG NĂM 2015**
(Kèm theo Quyết định số: 2983 /QĐ-UBND, ngày 10 /10/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

| KH vốn đã giao tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh (triệu đồng) | | | | | | | KH vốn điều chỉnh nội dung hỗ trợ, địa bàn, danh mục dự án (triệu đồng) | | | | | | |
|--|---|------------|--------|-----------------------|----------|--------|---|---|------------|----------|--|----------|--------|
| TT | Địa điểm đầu tư/ Danh mục dự án | Chủ đầu tư | Quy mô | Kế hoạch vốn năm 2015 | Trong đó | | TT | Địa điểm đầu tư/ Danh mục dự án | Chủ đầu tư | Quy mô | Kế hoạch vốn bổ sung sau điều chỉnh năm 2015 | Trong đó | |
| | | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SN | | | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SN |
| Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện: | | | | | | | Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện: | | | | | | |
| I | Huyện Ea Súp | | | 2,820 | 2,820 | 0 | I | Huyện Ea Súp | | | 940 | 940 | 0 |
| 1 | đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 188 hộ | 2,820 | 2,820 | | 1 | Hỗ trợ mua Bò cái sinh sản | UBND huyện | 188 hộ | 940 | 940 | |
| II | Huyện Krông Pắc | | | 5,505 | 5,505 | | II | Huyện Krông Pắc | | | 5,088 | 5,088 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg của xã Vụ Bản. | UBND huyện | 90 hộ | 1,350 | 1,350 | | 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg của xã Ea Uy. | UBND huyện | 100 hộ | 1,500 | 1,500 | |
| 2 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg của xã Ea Yiêng. | UBND huyện | 277 hộ | 4,155 | 4,155 | | 2 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg của xã Ea Yiêng. | UBND huyện | 100 hộ | 1,500 | 1,500 | |
| | | | | | | | 3 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 1.606 hộ | 2,088 | 2,088 | |
| III | Huyện Lắk | | | 3,480 | 3,480 | | III | Huyện Lắk | | | 4,979 | 4,979 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 232 hộ | 3,480 | 3,480 | | 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ tự mua bán, chuyển nhượng; tự cải tạo, khai hoang, tự tạo quỹ đất thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 212 hộ | 3,180 | 3,180 | |
| | | | | | | | 2 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 778 hộ | 1,011 | 1,011 | |

| | | | | | | | | | | | | |
|------------|---|-------------|--------|--------------|--------------|------------|---|-------------|--------|--------------|--------------|--|
| | | | | | | 3 | Thanh toán trả nợ Công trình nước sinh hoạt tập trung buôn M'liêng 1, xã Đăk Liêng | UBND huyện | 45 hộ | 788 | 788 | |
| IV | Huyện Ea H'leo | | | 1,575 | 1,575 | IV | Huyện Ea H'leo | | | 5,200 | 5,200 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 105 hộ | 1,575 | 1,575 | 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Tiêu A, xã Ea Tir | Ban Dân tộc | 72 hộ | 1,300 | 1,300 | |
| | | | | | | 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Tiêu B, xã Ea Tir | Ban Dân tộc | 88 hộ | 1,300 | 1,300 | |
| | | | | | | 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Tùng Xê, xã Ea Ral | Ban Dân tộc | 74 hộ | 1,300 | 1,300 | |
| | | | | | | 4 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Tùng Tah, xã Ea Ral | Ban Dân tộc | 68 hộ | 1,300 | 1,300 | |
| V | Huyện M'Drăk | | | 3,355 | 3,355 | V | Huyện M'Drăk | | | 2,790 | 2,790 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 211 hộ | 3,165 | 3,165 | 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại Buôn Āk, xã Cư M'ta | UBND huyện | 100 hộ | 1,300 | 1,300 | |
| 2 | Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 147 hộ | 190 | 190 | 2 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 147 hộ | 190 | 190 | |
| | | | | | | 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7, xã Cư San | UBND huyện | | 1,300 | 1,300 | |
| VI | Thị xã Buôn Hồ | | | 1,585 | 1,585 | VI | Thị xã Buôn Hồ | | | 1,300 | 1,300 | |
| 1 | Hỗ trợ mua máy móc nông cụ | UBND thị xã | 317 hộ | 1,585 | 1,585 | 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại buôn Trang, xã Ea Blang | | | 1,300 | 1,300 | |
| VII | Huyện Buôn Đôn | | | 615 | 615 | VII | Huyện Buôn Đôn | | | 3,900 | 3,900 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 41 hộ | 615 | 615 | 1 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 836 hộ | 0 | 0 | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|-------------|---|------------|--------|--------------|--------------|--|-------------|---|-------------|--------|--|--------------|--------------|--|
| | | | | | | | 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4, thôn 5, xã Tân Hòa | UBND huyện | | | 1,300 | 1,300 | |
| | | | | | | | 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại buôn N'Drếch A, xã Ea Huar | UBND huyện | | | 1,300 | 1,300 | |
| | | | | | | | 4 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại buôn N'Drếch B, xã Ea Huar | UBND huyện | | | 1,300 | 1,300 | |
| VIII | Huyện Krông Năng | | | 1,405 | 1,405 | | VIII | Huyện Krông Năng | | | | 5,200 | 5,200 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 25 hộ | 375 | 375 | | 1 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại buôn Dun, xã Ea Hồ | Ban Dân tộc | | | 1,300 | 1,300 | |
| 2 | Hỗ trợ mua máy móc nông cụ | UBND huyện | 206 hộ | 1,030 | 1,030 | | 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại buôn Dliêya A, xã Dliêya | Ban Dân tộc | | | 1,300 | 1,300 | |
| | | | | | | | 3 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại buôn M'Ngoan, xã Ea Hồ | Ban Dân tộc | | | 1,300 | 1,300 | |
| | | | | | | | 4 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn Giang Tiến, xã Ea Púk | Ban Dân tộc | | | 1,300 | 1,300 | |
| IX | Huyện Krông Ana | | | 2,685 | 2,685 | | IX | Huyện Krông Ana | | | | 960 | 960 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 179 hộ | 2,685 | 2,685 | | 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ tự mua bán, chuyển nhượng; tự cải tạo, khai hoang, tự tạo quỹ đất thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 72 hộ | | 243 | 243 | |
| | | | | | | | 2 | Hỗ trợ mua Bò cái sinh sản | UBND huyện | 50 hộ | | 250 | 250 | |
| | | | | | | | 3 | Hỗ trợ mua máy móc nông cụ, buôn bán nhỏ | UBND huyện | 07 hộ | | 35 | 35 | |
| | | | | | | | 4 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 332 hộ | | 432 | 432 | |
| X | Huyện Ea Kar | | | 1,690 | 1,690 | | X | Huyện Ea Kar | | | | 30 | 30 | |
| 1 | Hỗ trợ mua máy móc nông cụ | UBND huyện | 338 hộ | 1,690 | 1,690 | | 1 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 23 hộ | | 30 | 30 | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|------------------|---|------------------------|--------|---------------|---------------|----------|------------------|---|------------|--------|---------------|---------------|----------|
| XI | Huyện Krông Bông | | | 1,555 | 1,555 | | XI | Huyện Krông Bông | | | 375 | 375 | |
| 1 | Hỗ trợ mua máy móc nông cụ | UBND huyện | 311 hộ | 1,555 | 1,555 | | 1 | Hỗ trợ mua Bò cái sinh sản | UBND huyện | 75 hộ | 375 | 375 | |
| XII | Huyện Krông Búk | | | 2,595 | 2,595 | | XII | Huyện Krông Búk | | | 1,767 | 1,767 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 173 hộ | 2,595 | 2,595 | | 1 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 359 hộ | 467 | 467 | |
| | | | | | | | 2 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung tại Khu tái định cư buôn Dhiã, xã Cư Né | UBND huyện | | 1,300 | 1,300 | |
| XIII | Huyện Cư Kuin | | | 975 | 975 | | XIII | Huyện Cư Kuin | | | 930 | 930 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 65 hộ | 975 | 975 | | 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ tự mua bán, chuyển nhượng; tự cải tạo, khai hoang, tự tạo quỹ đất thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 62 hộ | 930 | 930 | |
| XIV | Huyện Cư M'gar | | | 2,325 | 2,325 | | XIV | Huyện Cư M'gar | | | 1,017 | 1,017 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND huyện | 155 hộ | 2,325 | 2,325 | | 1 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND huyện | 782 hộ | 1,017 | 1,017 | |
| XV | Thành phố Buôn Ma Thuột | | | 2,835 | 2,835 | | XV | Thành phố Buôn Ma Thuột | | | 525 | 525 | |
| 1 | Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện. | UBND Tp. Buôn Ma Thuột | 189 hộ | 2,835 | 2,835 | | 1 | Hỗ trợ mua Bò cái sinh sản | UBND Tp | 52 hộ | 260 | 260 | |
| | | | | | | | 2 | Hỗ trợ mua máy móc nông cụ | UBND Tp | 03 hộ | 15 | 15 | |
| | | | | | | | 3 | Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán | UBND Tp | 192 hộ | 250 | 250 | |
| Tổng cộng | | | | 35,000 | 35,000 | 0 | Tổng cộng | | | | 35,000 | 35,000 | 0 |

Phụ lục: 02

BIỂU ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG HỖ TRỢ, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 755/QĐ-TTg, KẾ HOẠCH VỐN 2015

(Kèm theo Quyết định số: 2983 /QĐ-UBND, ngày 10 /10/2016 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

| KH vốn còn lại đã giao tại Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh (triệu đồng) | | | | | | | KH vốn điều chỉnh nội dung hỗ trợ/ danh mục dự án (triệu đồng) | | | | | | |
|--|--|-------------------|---------------|-------------------------------|-----------------|--------|--|--|-------------------|-----------------|-----------------------------------|-----------------|--------|
| TT | Địa điểm đầu tư/ Danh mục dự án | Chủ đầu tư | Quy mô | Kế hoạch vốn năm 2015 còn lại | Trong đó | | TT | Địa điểm đầu tư/ Danh mục dự án | Chủ đầu tư | Quy mô | Kế hoạch vốn sau đ/chỉnh năm 2015 | Trong đó | |
| | | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SN | | | | | | Vốn ĐTPT | Vốn SN |
| Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện: | | | | | | | Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện: | | | | | | |
| I | Huyện Buôn Đôn | | | 3,632 | 3,632 | | I | Huyện Buôn Đôn | | | 3,632 | 3,632 | |
| <i>1</i> | <i>Hỗ trợ đất sản xuất cho các hộ thuộc đối tượng được thụ hưởng Quyết định 755/QĐ-TTg trên địa bàn huyện.</i> | <i>UBND huyện</i> | <i>283 hộ</i> | <i>3,632</i> | <i>3,632</i> | | <i>1</i> | <i>Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán</i> | <i>UBND huyện</i> | <i>836 hộ</i> | <i>1,087</i> | <i>1,087</i> | |
| | | | | | | | II | Huyện Ea Kar | | | 2,545 | 2,545 | |
| | | | | | | | <i>1</i> | <i>Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán</i> | <i>UBND huyện</i> | <i>1.958 hộ</i> | <i>2,545</i> | <i>2,545</i> | |
| II | Huyện Krông Bông | | | 69.55 | 69.55 | | III | Huyện Krông Bông | | | 69.55 | 69.55 | |
| <i>1</i> | <i>Hỗ trợ đầu tư nước sinh hoạt phân tán cho hộ gia đình</i> | <i>UBND huyện</i> | <i>491 hộ</i> | <i>69.55</i> | <i>69.55</i> | | <i>1</i> | <i>Hỗ trợ mua Bò cái sinh sản</i> | <i>UBND huyện</i> | <i>14 hộ</i> | <i>69.55</i> | <i>69.55</i> | |
| Tổng cộng | | | | 3,701.55 | 3,701.55 | | Tổng cộng | | | | 3,701.55 | 3,701.55 | |